

SỞ GD&ĐT CẦN THƠ**TTLT ĐH DIỆU HIỀN**

Số 27 – Đường số 1 – KDC Metro

Ninh Kiều – TP.Cần Thơ

ĐT: 0949.355.366 – 0964.222.333**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA THÁNG 11 - 2016****Môn: Sinh Học***Thời gian làm bài: 50 phút.*

Họ, tên:.....Số báo danh:.....

Mã đề thi 418**NỘI DUNG ĐỀ***(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 06 trang giấy)***Câu 1:** Để góp phần cải tạo đất, người ta sử dụng phân bón vi sinh chứa các vi sinh vật có khả năng:

- A. cố định nitơ từ không khí thành chất hữu cơ.
- B. cố định oxy từ không khí thành nitơ hữu cơ.
- C. cố định nitơ từ không khí thành các dạng đạm.
- D. cố định cacbon trong đất thành các dạng đạm.

Câu 2: Khi nói về đột biến lệch bội, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Đột biến lệch bội được phát sinh do rối loạn phân bào làm cho tất cả các cặp NST tương đồng đều không phân ly.
- B. Đột biến lệch bội cũng có thể được xảy ra trong nguyên phân ở các tế bào sinh dưỡng hình thành nên thể khảm.
- C. Ở tế bào sinh dục, đột biến lệch bội chỉ xảy ra ở cặp NST giới tính mà không xảy ra ở cặp NST thường.
- D. Ở cùng một loài, tần số xảy ra đột biến lệch bội thể không thường cao hơn đột biến lệch bội dạng thể một.

Câu 3: Khi nói về chuỗi và lưới thức ăn, cho các phát biểu sau?

- (1). Trong một quần xã, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.
- (2). Khi thành phần loài trong quần xã thay đổi thì cấu trúc lưới thức ăn cũng bị thay đổi.
- (3). Tất cả các chuỗi thức ăn đều được bắt đầu từ sinh vật sản xuất.
- (4). Trong một lưới thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng chỉ có một loài.

Có bao phát biểu **không** đúng?

- A. 2.
- B. 1.
- C. 4.
- D. 3.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng khi nói về tháp sinh thái?

- A. Tháp số lượng bao giờ cũng có đáy lớn đỉnh nhỏ.
- B. Tháp sinh khối không phải lúc nào cũng có đáy lớn đỉnh nhỏ.
- C. Tháp số lượng được xây dựng dựa trên số lượng cá thể của mỗi bậc dinh dưỡng.
- D. Tháp năng lượng bao giờ cũng có đáy lớn đỉnh nhỏ.

Câu 5: Phát biểu nào **không** đúng về NST ở sinh vật nhân thực?

- A. NST được cấu tạo từ chất nhiễm sắc bao gồm chủ yếu là ADN và protein Histon.
- B. Số lượng NST của các loài không phản ánh mức độ tiến hóa cao hay thấp.
- C. Trong tế bào các NST luôn tồn tại thành từng cặp tương đồng.
- D. Bộ NST của loài đặc trưng về hình dạng, số lượng, kích thước và cấu trúc.

Câu 6: Giả sử năng lượng đồng hóa và hiệu suất sinh thái của các sinh vật dị dưỡng có trong một chuỗi thức ăn được hình thành từ bốn loài sinh vật như sau:

Sinh vật tiêu thụ (Svtt)	Svtt b1	Svtt b2	Svtt b3	Svtt b4
Mức năng lượng đồng hóa	$16 \cdot 10^5$ Kcal	$4 \cdot 10^4$ Kcal		576 Kcal
Hiệu suất sinh thái				12%

Hiệu suất sinh thái của Svtt b3 và năng lượng đồng hóa của Svtt b3 lần lượt là:

- A. 10%; $8 \cdot 10^3$ Kcal.
- B. 12%; $4,8 \cdot 10^3$ Kcal.
- C. 25%; $4,8 \cdot 10^3$ Kcal.
- D. 1,2%; $4 \cdot 10^3$ Kcal.

Câu 7: Loại đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể nào sau đây **không** làm thay đổi hình thái nhiễm sắc thể?

- A. Chuyển đoạn tương hỗ.
- B. Chuyển đoạn không tương hỗ.
- C. Đảo đoạn không chứa tâm động.
- D. Mất đoạn giữa.

Câu 8: Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây **không** làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể qua các thế hệ?

- A. Chọn lọc tự nhiên.
- B. Giao phối ngẫu nhiên.
- C. Các yếu tố ngẫu nhiên.
- D. Đột biến.

Câu 9: Theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Các yếu tố ngẫu nhiên làm nghèo vốn gen quần thể, giảm sự đa dạng di truyền nên không có vai trò đối với tiến hóa.

B. Khi không có tác động của đột biến, chọn lọc tự nhiên và di - nhập gen thì tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể sẽ không thay đổi.

C. Quá trình tiến hóa nhỏ diễn ra trên quy mô quần thể và diễn biến không ngừng dưới tác động của các nhân tố tiến hóa.

D. Chọn lọc tự nhiên luôn làm thay đổi đột ngột tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.

Câu 10: Điểm giống nhau giữa chu trình cacbon, chu trình nitơ và chu trình nước là:

- A. Sự luân chuyển vật chất phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố hữu sinh.
- B. Sự tuần hoàn các chất đảm bảo sự duy trì sự cân bằng vật chất trong sinh quyển.
- C. Động lực của sự vận chuyển các chất là do nhu cầu nội tại trong quần xã sinh vật.
- D. Trong chu trình, các chất được vận chuyển dưới dạng hợp chất.

Câu 11: Trong những hoạt động sau đây của con người, có bao nhiêu hoạt động góp phần vào việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên?

- (1). Sử dụng tiết kiệm nguồn nước.
- (2). Tăng cường khai thác các nguồn tài nguyên tái sinh và không tái sinh.
- (3). Xây dựng hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên.
- (4). Vận động đồng bào dân tộc sống định canh, định cư, tránh đốt rừng làm nương rẫy.

- A. 2.
- B. 4.
- C. 1.
- D. 3.

Câu 12: Một gen ở tế bào nhân sơ có 2400 nuclêôtit. Trên mạch 1 của gen, hiệu số tỉ lệ % giữa A với T bằng 20% số nuclêôtit của mạch. Trên mạch 2 có số nuclêôtit loại A chiếm 15% số nuclêôtit của mạch và bằng 1/2 số nuclêôtit của G. Khi gen phiên mã 1 số lần đã lấy từ môi trường nội bào 540 Uraxin. Số lượng nuclêôtit từng loại trên mARN được tổng hợp từ gen nói trên là

- A. A = 840 ; U = 360 ; X = 720 ; G = 480.
- B. A = 420 ; U = 180 ; X = 360 ; G = 240.
- C. A = 180 ; U = 420 ; X = 240 ; G = 360.
- D. A = 180 ; U = 420 ; X = 360 ; G = 240.

Câu 13: Một loài thực vật có 10 nhóm gen liên kết. Cho hai cây thuộc loài này giao phấn với nhau tạo ra các hợp tử. Giả sử từ một hợp tử trong số đó (hợp tử B) nguyên phân liên tiếp 4 lần, ở kì giữa của lần nguyên phân thứ tư, người ta đếm được trong tất cả các tế bào con có tổng cộng 336 crômatit. Cho biết quá trình nguyên phân không xảy ra đột biến. Hợp tử B có thể được hình thành do sự thụ tinh giữa

- A. giao tử n với giao tử 2n.
- B. giao tử n với giao tử n.
- C. giao tử (n - 1) với giao tử n.
- D. giao tử (n + 1) với giao tử n.

Câu 14: Cho các ví dụ minh họa sau. Có bao nhiêu ví dụ minh họa về quần thể sinh vật?

- (1). Các con ốc bươu vàng trong một ruộng lúa.
- (2). Các con cá sống trong cùng một ao.
- (3). Tập hợp các cây thông trong một rừng thông ở Đà Lạt.
- (4). Tập hợp các cây cỏ trên một đồng cỏ.

- A. 2.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 1.

Câu 15: Ở cà chua, gen A- quả đỏ trội hoàn toàn, a - quả vàng. Cho cây tứ bội (4n) quả đỏ có kiểu gen AAAa giao phấn với cây tứ bội 4n quả vàng thu được F1. Cho các cây quả đỏ F1 giao phấn với nhau thu được F2. Theo lí thuyết, ở F2 cây quả đỏ chiếm tỉ lệ bao nhiêu? (Biết các cây chỉ tạo giao tử 2n và các giao tử có sức sống ngang nhau)

- A. 8/9.
- B. 15/16.
- C. 1/9.
- D. 35/56.

Câu 16: Ở tế bào nhân thực, vùng đầu mút của NST có vai trò:

- A. là điểm mà tại đó ADN bắt đầu được nhân đôi và phiên mã.
- B. bảo vệ các NST cũng như làm cho các NST không dính vào nhau.
- C. là vị trí duy nhất có thể xảy ra trao đổi chéo giữa các crômatit trong giảm phân.
- D. là vị trí NST liên kết với các dây tơ vô sắc trong khi vận chuyển về 2 cực tế bào.

Câu 16: Trong nuôi trồng thủy sản, người ta thường nuôi ghép các loài cá khác nhau trong ao; ví dụ có thể nuôi kết hợp nhiều loài cá: mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, trôi, chép, ... Nhận định nào dưới đây là đúng nói về ứng dụng trên?

A. ứng dụng này dựa trên hiểu biết về ổ sinh thái riêng của các loài với mục đích là tăng sự cạnh tranh giữa các loài sinh vật với nhau.

B. mục đích chủ yếu của ứng dụng này tạo sự đa dạng loài trong hệ sinh thái, hình thành nên chuỗi và lưới thức ăn trong ao chở nên phức tạp.

C. ứng dụng này dựa trên hiểu biết về ổ sinh thái riêng của các loài với mục đích chủ yếu là tận dụng tối đa nguồn thức ăn, giảm cạnh tranh gay gắt giữa các loài sinh vật với nhau.

D. ứng dụng này dựa trên hiểu biết về sự phân bố giữa các cá thể trong quần thể với mục đích là tăng sự cạnh tranh giữa các loài sinh vật với nhau.

Câu 18: Bảng dưới đây cho biết trình tự nuclêôtit trên một đoạn ở vùng mã hóa của mạch gốc của gen quy định prôtêin ở sinh vật nhân sơ và các alen được tạo ra từ gen này do đột biến điểm:

Gen ban đầu: Mạch gốc: 3'... TAX TTX AAA XXG...5'	Alen đột biến 1: Mạch gốc: 3'...TAX TTX AAA XXA...5'
Alen đột biến 2: Mạch gốc: 3'...TAX ATX AAA XXG...5'	Alen đột biến 3: Mạch gốc: 3'...TAX TTX AAA TXG...5'

Biết rằng các codon mã hóa các axit amin tương ứng là: 5'AUG3'-Met; 5'AAG3'-Lys; 5'UUU3'-Phe; 5'GGX3' và 5'GGU3'-Gly; 5'AGX3'-Ser. Phân tích các dữ liệu trên, hãy cho biết dự đoán nào sau đây **sai**?

A. Các phân tử mARN được tổng hợp từ alen đột biến 2 và alen đột biến 3 có các codon bị thay đổi kể từ điểm xảy ra đột biến.

B. Chuỗi pôlipeptit do alen đột biến 1 mã hóa không thay đổi so với chuỗi pôlipeptit do gen ban đầu mã hóa.

C. Alen đột biến 2 gây hậu quả nghiêm trọng cho quá trình dịch mã .

D. Alen đột biến 3 được hình thành do gen ban đầu bị đột biến thay thế 1 cặp nuclêôtit.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây về diễn thế sinh thái là đúng?

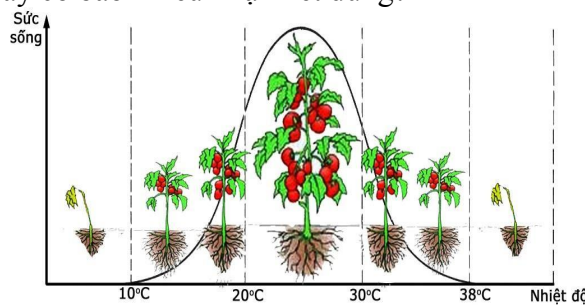
A. Diễn thế nguyên sinh khởi đầu từ môi trường chưa có quần xã và kết thúc bằng quần xã suy thoái.

B. Diễn thế thứ sinh diễn ra ở quần xã trên cạn mà không diễn ra ở quần xã dưới nước.

C. Diễn thế sinh thái là biến đổi tuần tự của quần xã từ dạng khởi đầu đến các dạng trung gian, đến quần xã đỉnh cực và cuối cùng là suy thoái.

D. Kết quả của diễn thế sinh thái thứ sinh có thể đi đến quần xã đỉnh cực hoặc suy thoái tùy điều kiện của môi trường là thuận lợi hay bất lợi.

Câu 20: Hình ảnh sau mô tả giới hạn sinh thái về nhiệt độ của một loài thực vật. Hãy nghiên cứu hình ảnh và cho biết trong các nhận xét dưới đây có bao nhiêu nhận xét đúng?



(1) Nhiệt độ từ 20°C đến 30°C được gọi là giới hạn sinh thái về nhiệt độ.

(2) Nhiệt độ 10°C, 38°C lần lượt là điểm gây chết dưới và điểm gây chết trên.

(3) Nhiệt độ từ 10°C đến 38°C được gọi khoảng là thuận lợi.

(4) Nhiệt độ từ 10°C đến 20°C và từ 30°C đến 38°C được gọi là khoảng chống chịu.

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 1.

Câu 21: Trong cơ chế điều hòa hoạt động của opêron Lac, sự kiện nào sau đây diễn ra cả khi môi trường có lactôzơ và khi môi trường không có lactôzơ?

A. Các gen cấu trúc Z, Y, A phiên mã tạo ra các phân tử mARN tương ứng.

B. Một số phân tử lactôzơ liên kết với prôtêin ức chế.

C. Gen điều hòa R có hoạt động phiên mã và dịch mã để tổng hợp protein ức chế.

D. ARN pôlimeraza liên kết với vùng khởi động của opêron Lac và tiến hành phiên mã.

- Câu 22:** Khi nói về vấn đề quản lí tài nguyên cho phát triển bền vững, phát biểu nào sau đây **không** đúng?
- A. Con người phải tự nâng cao nhận thức và sự hiểu biết, thay đổi hành vi đối xử với thiên nhiên.
 - B. Con người phải biết khai thác tài nguyên một cách hợp lí, bảo tồn đa dạng sinh học.
 - C. Con người cần phải bảo vệ sự trong sạch của môi trường sống.
 - D. Con người cần phải khai thác triệt để tài nguyên tái sinh, hạn chế khai thác tài nguyên không tái sinh.

- Câu 23:** Khi nói về lưới thức ăn, điều nào sau đây **không** đúng?
- A. Những loài rộng thực đóng vai trò là những mắt xích chung.
 - B. Các hệ sinh thái đỉnh cực có lưới thức ăn phức tạp hơn các hệ sinh thái trẻ.
 - C. Là một tập hợp các chuỗi thức ăn có các mắt xích chung.
 - D. Cấu trúc của lưới thức ăn càng đơn giản khi đi từ vĩ độ cao xuống vĩ độ thấp.

Câu 24: Bảng sau đây cho biết một số thông tin về các sinh vật qua các đại địa chất?

Cột A	Cột B
1. Kỷ Jura	a. Dương xỉ phát triển mạnh. Thực vật có hạt xuất hiện. Lưỡng cư ngự trị. Phát sinh bò sát.
2. Kỷ Cacbon	b. Cây có mạch và động vật lên cạn.
3. Kỷ Silua	c. Cây hạt trần ngự trị. Bò sát cổ ngự trị. Phân hóa chim.
4. Kỷ Pecmi	d. Phân hóa bò sát. Phân hóa côn trùng. Tuyệt diệt nhiều động vật biển.

Trong các tổ hợp ghép đôi ở các phương án dưới đây, phương án đúng là

- A. 1-c, 2-a, 3-b, 4-d . B. 1-c, 2-d, 3-a, 4-b . C. 1-b, 2-c, 3-d, 4-a . D. 1-c, 2-a, 3-d, 4-b .

- Câu 25:** Khi nói về đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây đúng?
- A. Đột biến đảo đoạn làm cho gen từ nhóm liên kết này chuyển sang nhóm liên kết khác.
 - B. Đột biến chuyển đoạn có thể không làm thay đổi số lượng và thành phần gen của một nhiễm sắc thể.
 - C. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể chỉ xảy ra ở nhiễm sắc thể thường mà không xảy ra ở nhiễm sắc thể giới tính.
 - D. Đột biến mất đoạn không làm thay đổi số lượng gen trên nhiễm sắc thể.

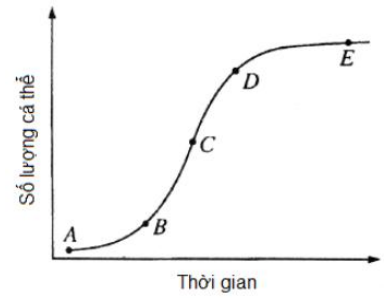
Câu 26: Một loài thực vật lưỡng bội có 6 nhóm gen liên kết. Do đột biến, ở một quần thể thuộc loài này đã xuất hiện hai thể đột biến khác nhau là thể một và thể tam bội. Số lượng nhiễm sắc thể có trong một tế bào sinh dưỡng của thể một và thể tam bội lần lượt là

- A. 12 và 36. B. 6 và 13. C. 11 và 18. D. 6 và 12.

- Câu 27:** Khi nói về đột biến gen, phát biểu nào sau đây là đúng?
- A. Trong các dạng đột biến điểm, dạng đột biến thay thế cặp nuclêôtit thường làm thay đổi ít nhất thành phần axit amin của chuỗi pôlipeptit do gen đó tổng hợp.
 - B. Tất cả các dạng đột biến gen đều có hại cho thể đột biến.
 - C. Dưới tác động của cùng một tác nhân gây đột biến, với cường độ và liều lượng như nhau thì tần số đột biến ở tất cả các gen là bằng nhau.
 - D. Khi các bazơ nitơ dạng hiếm xuất hiện trong quá trình nhân đôi ADN thì thường làm phát sinh đột biến gen dạng mất hoặc thêm một cặp nuclêôtit.

- Câu 28:** Đặc điểm nào sau đây là đúng khi nói về dòng năng lượng trong hệ sinh thái?
- A. Ở mỗi bậc dinh dưỡng, phần lớn năng lượng bị tiêu hao qua hô hấp, tạo nhiệt, chất thải,... chỉ có khoảng 10% năng lượng truyền lên bậc dinh dưỡng cao hơn.
 - B. Trong hệ sinh thái, năng lượng được truyền một chiều từ vi sinh vật qua các bậc dinh dưỡng tới sinh vật sản xuất rồi trở lại môi trường.
 - C. Năng lượng được truyền trong hệ sinh thái theo chu trình tuần hoàn và được sử dụng trở lại.
 - D. Sinh vật đóng vai trò quan trọng nhất trong việc truyền năng lượng từ môi trường vô sinh vào chu trình dinh dưỡng là các sinh vật phân giải như vi khuẩn, nấm.

Câu 29: Đường cong tăng trưởng của một quần thể sinh vật được biểu diễn ở hình bên. Phân tích hình bên, hãy cho biết có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- (1). Đây là đường cong tăng trưởng theo tiềm năng sinh học của quần thể.
- (2). Trong các điểm trên đồ thị, tại điểm C quần thể có tốc độ tăng trưởng cao nhất.
- (3). Tốc độ tăng trưởng của quần thể tại điểm E cao hơn tốc độ tăng trưởng của quần thể tại điểm D.

(4). Sự tăng trưởng của quần thể này bị giới hạn bởi các điều kiện môi trường.

- A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

Câu 30: Cho các nhận định sau:

- (1). Để duy trì trạng thái ổn định của hệ sinh thái nhân tạo, con người thường bổ sung vật chất và năng lượng cho chúng.
- (2). Hệ sinh thái nhân tạo là một hệ mở còn hệ sinh thái tự nhiên là một hệ khép kín.
- (3). Hệ sinh thái nhân tạo thường có độ đa dạng sinh học thấp hơn so với hệ sinh thái tự nhiên.
- (4). Hệ sinh thái nhân tạo có khả năng tự điều chỉnh cao hơn so với hệ sinh thái tự nhiên.
- (5). Hệ sinh thái nhân tạo có năng suất sinh học cao hơn so với hệ sinh thái tự nhiên.

Có bao nhiêu nhận định đúng khi nói về điểm khác nhau giữa hệ sinh thái nhân tạo so với hệ sinh thái tự nhiên?

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 31: Ở một loài thực vật, tính trạng màu sắc hoa do một gen có hai alen quy định. Cho cây hoa đỏ thuần chủng giao phấn với cây hoa trắng thuần chủng (P), thu được F_1 toàn cây hoa hồng, F_1 tự thụ phấn, thu được F_2 có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 25% cây hoa đỏ : 50% cây hoa hồng : 25% cây hoa trắng. Biết rằng sự biểu hiện của gen không phụ thuộc vào môi trường. Dựa vào kết quả trên, hãy cho biết trong các kết luận sau, có bao nhiêu kết luận đúng?

- (1) Đời con của một cặp bố mẹ bất kì đều có tỉ lệ kiểu gen giống tỉ lệ kiểu hình
- (2) Chỉ cần dựa vào kiểu hình cũng có thể phân biệt được cây có kiểu gen đồng hợp tử và cây có kiểu gen dị hợp tử
- (3) Nếu cho cây hoa đỏ ở F_2 , giao phấn với cây hoa trắng, thu được đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ 1 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng
- (4) Kiểu hình hoa hồng là kết quả tương tác giữa các alen của cùng một gen.

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

Câu 32: Bằng chứng tiến hóa nào sau đây là bằng chứng sinh học phân tử?

- A. Xác sinh vật sống trong các thời đại trước được bảo quản trong các lớp băng.
- B. Xương tay của người tương đồng với cấu trúc chi trước của mèo.
- C. Prôtêin của các loài sinh vật đều cấu tạo từ 20 loại axit amin.
- D. Tất cả các loài sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.

Câu 33: Khi nói về quá trình nhân đôi ADN, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Enzim ADN pôlimeraza tổng hợp và kéo dài mạch mới theo chiều $3' \rightarrow 5'$.
- B. Nhờ các enzym tháo xoắn, hai mạch đơn của ADN tách nhau dần tạo nên chạc chữ Y.
- C. Enzim ligaza (enzim nối) nối các đoạn Okazaki thành mạch đơn hoàn chỉnh.
- D. Quá trình nhân đôi ADN diễn ra theo nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo tồn.

Câu 34: Người ta chuyển một số phân tử ADN của vi khuẩn *Ecôli* chỉ chứa N^{15} sang môi trường chỉ có N^{14} . Tất cả các ADN nói trên đều thực hiện tái bản 5 lần liên tiếp tạo được 256 ADN con. Số phân tử ADN con còn chứa N^{15} là:

- A. 10. B. 16. C. 32. D. 8.

Câu 35: Trong các mức cấu trúc siêu hiển vi của nhiễm sắc thể điển hình ở sinh vật nhân thực, mức cấu trúc nào sau đây có đường kính 11 nm?

- A. Sợi nhiễm sắc.
- B. Sợi cơ bản.
- C. Crômatit.
- D. Vùng xếp cuộn (siêu xoắn).

Câu 36: Cho lưới thức ăn ở một đồng cỏ (theo hình bên) , có bao nhiêu nhận xét đúng về lưới thức ăn?

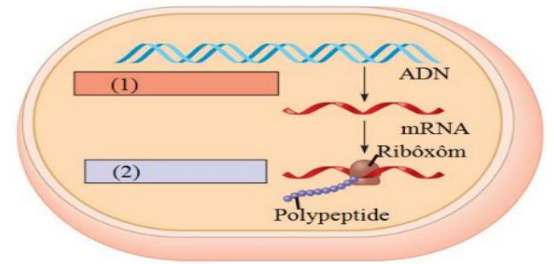


- (1). Lưới thức ăn có 5 chuỗi thức ăn khác nhau.
 - (2). Chuỗi thức ăn dài nhất trong lưới thức ăn có 5 bậc dinh dưỡng.
 - (3). Bậc dinh dưỡng cấp 1 là các loài châu chấu, kiến.
 - (4). Chuột tham gia vào 2 chuỗi thức ăn.
 - (5). Chuột và ếch là những sinh vật tiêu thụ bậc hai.
- A. 4. B. 5.
C. 2. D. 3.

Câu 37: Ở một loài thú, màu lông được quy định bởi một gen nằm trên nhiễm sắc thể thường có 4 alen: alen A1 quy định lông đen, alen A2 quy định lông vàng, alen A3 quy định lông xám và alen A4 quy định lông trắng. Trong đó alen có quan hệ trội lặn hoàn toàn theo sơ đồ $A1 > A2 > A3 > A4$. Tiến hành các phép lai để tạo ra đời con. Cho biết không xảy ra đột biến. Theo lý thuyết, có bao nhiêu kết luận sau đây đúng?

- (1). Phép lai giữa hai cá thể có cùng kiểu hình tạo ra đời con có tối đa 4 loại kiểu gen và 3 loại kiểu hình.
 - (2). Phép lai giữa hai cá thể có kiểu hình khác nhau luôn tạo ra đời con có nhiều loại kiểu gen và nhiều loại kiểu hình hơn phép lai giữa hai cá thể có cùng kiểu hình.
 - (3). Phép lai giữa cá thể lông đen với cá thể lông vàng hoặc phép lai giữa cá thể lông vàng với cá thể lông xám có thể tạo ra đời con có tối đa 4 loại kiểu gen và 3 loại kiểu hình.
 - (4). Có 3 phép lai (không tính phép lai thuận nghịch) giữa hai cá thể lông đen cho đời con có kiểu gen phân li theo tỉ lệ 1 : 1 : 1 : 1.
 - (5). Phép lai giữa hai cá thể có kiểu hình khác nhau cho đời con có ít nhất 2 loại kiểu gen.
- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 38: Hình minh họa cơ chế di truyền ở sinh vật nhân sơ (1) và (2) là kí hiệu các quá trình của cơ chế này. Phân tích hình này, hãy cho biết có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- (1). Quá trình (1) và (2) đều xảy ra theo nguyên tắc bổ sung.
 - (2). Hình 2 minh họa cơ chế truyền thông tin di truyền qua các thể hệ tế bào.
 - (3). Thông qua cơ chế di truyền này mà thông tin di truyền trong gen được biểu hiện thành tính trạng.
 - (4). Quá trình (1) và (2) đều chung một hệ enzim.
- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 39: Quan sát sinh vật trong một khu vườn trồng cam, một bạn học sinh ghi lại có các loài sinh vật với các mối quan hệ sau: loài kiến hôi đưa những con rệp cây lên chồi non nên rệp lấy được nhiều nhựa cây và cung cấp đường cho kiến hôi ăn. Loài kiến đỏ đuổi loài kiến hôi đồng thời nó cũng tiêu diệt sâu và rệp cây. Xét mỗi quan hệ giữa:

- (1) rệp cây và cây có mùi; (2) rệp cây và kiến hôi; (3) kiến đỏ và kiến hôi; (4) kiến đỏ và rệp cây.
- Tên các quan hệ trên theo thứ tự đúng là:
- A. (1) quan hệ vật chủ - vật kí sinh; (2) hội sinh; (3) cạnh tranh; (4) vật ăn thịt - con mồi.
B. (1) quan hệ vật chủ - vật kí sinh; (2) hội sinh; (3) hỗ trợ; (4) cạnh tranh.
C. (1) quan hệ vật chủ - vật kí sinh; (2) hỗ trợ; (3) cạnh tranh; (4) vật ăn thịt - con mồi.
D. (1) quan hệ vật chủ - vật kí sinh; (2) hợp tác; (3) cạnh tranh; (4) vật ăn thịt - con mồi.

Câu 40: Tiến hành lai xa giữa cơ thể có kiểu gen AaBb với cơ thể có kiểu gen DdEe, sau đó tiến hành đa bội hóa tạo nên thể dị đa bội. Biết rằng quá trình giảm phân xảy ra bình thường. Đời con **không** thể thu được tập hợp các kiểu gen dị đa bội nào sau đây?

- A. AabbDDee; aaBBddEE; AAbbDdee; AABBddEe.
B. AABBDDEE; AABbddee; aabbDDEE; aabbddee.
C. AAbbDDee; AAbbddEE; aaBBDDee; aaBBddEE.
D. AABBDDee; aabbDDee; AABBddEe; aabbddEE.

----- **HẾT** -----
Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Mã đề: 418

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				